

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

Số: 28/2012/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Lào Cai, ngày 10 tháng 7 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Lào Cai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 09/6/2000;

Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 07/10/2002 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư 08/2012/TT-BKHCN ngày 02/4/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm cấp Nhà nước;

Căn cứ Thông tư 09/2012/TT-BKHCN ngày 02/4/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn cấp Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 12/2009/TT-BKHCN ngày 08/5/2009 hướng dẫn đánh giá nghiệm thu đề tài khoa học và công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm cấp Nhà nước;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 93/2006/TTLT-BTC-BKHCN ngày 04/10/2006 của liên Bộ: Tài chính, Khoa học và Công nghệ hướng dẫn chế độ khoán kinh phí của đề tài, dự án khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 44/2007/TTLT-BTC-BKHCN ngày 07/5/2007 của liên Bộ: Tài chính, Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 22/2011/TTLT-BTC-BKHCN ngày 21/02/2011 của liên Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý tài chính đối với các dự án sản xuất thử nghiệm được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí;

Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 64/TTr-SKHCN ngày 22/5/2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Giao Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan thường trực phối hợp với các ngành có liên quan hướng dẫn triển khai Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 22/2009/QĐ-UBND ngày 21/8/2009 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành Quy định quản lý và thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Lào Cai./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

Nguyễn Văn Vịnh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Lào Cai

*(Kèm theo Quyết định số: 28/2012/QĐ-UBND ngày 10/7/2012
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định về quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ (KH&CN) trên địa bàn tỉnh Lào Cai có sử dụng toàn bộ hoặc được hỗ trợ một phần kinh phí từ ngân sách nhà nước, được triển khai dưới các hình thức sau:

- a) Đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;
- b) Dự án sản xuất thử nghiệm, dự án khoa học và công nghệ;
- c) Chương trình khoa học và công nghệ;
- d) Các nhiệm vụ khác.

2. Đối tượng áp dụng:

Tổ chức, cá nhân thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ; cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân tham gia quản lý các hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

3. Đối với hoạt động nghiên cứu KH&CN của các tổ chức, cá nhân tự đầu tư thực hiện trên địa bàn tỉnh, không sử dụng ngân sách nhà nước, được khuyến khích tổ chức quản lý và thực hiện theo Quy định này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. Khoa học là hệ thống tri thức về các hiện tượng, sự vật, quy luật của tự nhiên, xã hội và tư duy.
2. Công nghệ là tập hợp các phương pháp, quy trình, kỹ năng, bí quyết, công cụ, phương tiện dùng để biến đổi các nguồn lực thành sản phẩm.

3. *Hoạt động khoa học và công nghệ* bao gồm nghiên cứu khoa học, nghiên cứu và phát triển công nghệ, dịch vụ khoa học và công nghệ, hoạt động phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất và các hoạt động khác nhằm phát triển khoa học và công nghệ.

4. *Nghiên cứu khoa học* là hoạt động phát hiện, tìm hiểu các hiện tượng, sự vật, quy luật của tự nhiên, xã hội và tư duy; sáng tạo các giải pháp nhằm ứng dụng vào thực tiễn. Nghiên cứu khoa học bao gồm nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng.

5. *Phát triển công nghệ* là hoạt động nhằm tạo ra và hoàn thiện công nghệ mới, sản phẩm mới. Phát triển công nghệ bao gồm triển khai thực nghiệm và sản xuất thử nghiệm.

6. *Triển khai thực nghiệm* là hoạt động ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học để làm thực nghiệm nhằm tạo ra công nghệ mới, sản phẩm mới.

7. *Sản xuất thử nghiệm* là hoạt động ứng dụng kết quả triển khai thực nghiệm để sản xuất thử ở quy mô nhỏ nhằm hoàn thiện công nghệ mới, sản phẩm mới trước khi đưa vào sản xuất và đời sống.

8. *Nhiệm vụ KH&CN* là những vấn đề KH&CN cần được giải quyết, được tổ chức thực hiện dưới hình thức đề tài, dự án, chương trình KH&CN.

9. *Đề tài KH&CN* có nội dung chủ yếu nghiên cứu về một chủ đề KH&CN. Đề tài có thể độc lập hoặc thuộc dự án, chương trình KH&CN.

10. *Dự án KH&CN* có nội dung chủ yếu tiến hành các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, ứng dụng công nghệ; áp dụng, thử nghiệm các giải pháp, phương pháp, mô hình quản lý KT - XH. Dự án có thể độc lập hoặc thuộc chương trình KH&CN.

11. *Chương trình KH&CN* bao gồm một nhóm các đề tài, dự án KH&CN, được tập hợp theo một mục đích xác định nhằm thực hiện mục tiêu phát triển KH&CN cụ thể hoặc ứng dụng trong thực tiễn.

Chương II

XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 3. Nguyên tắc xác định nhiệm vụ KH&CN

Việc xác định danh mục các nhiệm vụ KH&CN dựa trên nguyên tắc sau:

1. Chỉ lựa chọn các nhiệm vụ KH&CN mang tính ứng dụng phục vụ cho mục tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Kết quả nghiên cứu các nhiệm vụ KH&CN phải được ứng dụng và có khả năng nhân rộng vào thực tiễn sản xuất và đời sống xã hội.

3. Mọi tổ chức, cá nhân đều có quyền đề xuất danh mục các nhiệm vụ KH&CN phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 4. Yêu cầu đối với nhiệm vụ KH&CN

1. Yêu cầu đối với Đề tài

a) Giá trị thực tiễn:

- Trực tiếp hoặc gián tiếp góp phần giải quyết vấn đề cấp thiết của kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng trên địa bàn tỉnh.

- Tạo chuyển biến cơ bản về năng suất, chất lượng, hiệu quả, tác động lớn đến sự phát triển của ngành, lĩnh vực kinh tế - kỹ thuật, vùng kinh tế trọng điểm trên địa bàn tỉnh.

- Tạo tiền đề cho việc hình thành ngành nghề mới, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế - xã hội của tỉnh theo hướng hiện đại, hiệu quả và phát triển bền vững.

b) Giá trị khoa học, công nghệ:

- Giải quyết được những vấn đề khoa học, công nghệ mới ở mức đạt hoặc tiếp cận trình độ tiên tiến trong nước hoặc quốc tế.

- Góp phần nâng cao năng lực KH&CN trên địa bàn tỉnh.

c) Tính khả thi:

- Kết quả đề tài có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh;

- Các tổ chức KH&CN trong nước có đủ năng lực để thực hiện được trong khoảng thời gian không quá 3 năm, trừ trường hợp đặc biệt do UBND tỉnh quyết định.

2. Yêu cầu đối với Dự án.

a) Yêu cầu về công nghệ:

- Có tính mới, tính tiên tiến so với công nghệ đang có trên địa bàn tỉnh;

- Có tác động nâng cao trình độ công nghệ của ngành, lĩnh vực sản xuất khi được áp dụng rộng rãi.

b) Tính khả thi và hiệu quả kinh tế - xã hội:

- Có thị trường tiêu thụ sản phẩm (thuyết minh rõ về khả năng thị trường tiêu thụ, phương thức chuyển giao và thương mại hóa các sản phẩm của dự án);

- Có khả năng huy động nhân lực, tài chính và cơ sở vật chất từ các nguồn khác nhau để thực hiện dự án;

- Sản phẩm của dự án có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Điều 5. Quy trình xác định nhiệm vụ KH&CN

1. Xây dựng danh mục sơ bộ nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

a) Sở Khoa học và Công nghệ định kỳ lấy ý kiến rộng rãi của các ngành, huyện, thành phố; các tổ chức Khoa học và Công nghệ, các doanh nghiệp và cán bộ khoa học kỹ thuật để đề xuất danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh;

b) Lựa chọn kết quả nghiên cứu từ nhiệm vụ KH&CN đã được nghiệm thu có tính khả thi cho việc triển khai thực hiện tiếp theo;

Thời gian thực hiện trong quý 2 hàng năm để xây dựng kế hoạch năm sau.

2. Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp danh mục sơ bộ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trình Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh lựa chọn xác định (bằng hình thức lấy ý kiến trực tiếp của các thành viên Hội đồng hoặc thông qua phiên họp của Hội đồng) đưa vào danh mục thực hiện.

a) Đối với Đề tài: Xác định chính xác tên, định hướng mục tiêu, yêu cầu đối với sản phẩm và phương thức, phương án tổ chức thực hiện;

b) Đối với Dự án: Xác định chính xác tên, mục tiêu, sản phẩm dự kiến và các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cần đạt của sản phẩm và phương thức, phương án tổ chức thực hiện;

3. Căn cứ kết quả xét duyệt của Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ để đưa ra tuyển chọn.

4. Sở Khoa học và Công nghệ công bố công khai trên phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được UBND tỉnh phê duyệt để các tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn.

Chương III

TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 6. Hình thức giao tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Các nhiệm vụ KH&CN triển khai theo hình thức giao trực tiếp là các nhiệm vụ được quy định tại Điều 2 Thông tư 08/2012/TT-BKHCN và Điều 2 Thông tư 09/2012/TT-BKHCN;

2. Các nhiệm vụ KH&CN không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này có nhiều tổ chức, cá nhân có khả năng tham gia thực hiện thì được triển khai theo hình thức tuyển chọn. Điều kiện tham gia tuyển chọn; trình tự thủ tục tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN thực hiện theo quy định tại các Điều 7, Điều 8, Điều 9 của Quy định này.

Điều 7. Điều kiện tham gia tuyển chọn chủ trì nhiệm vụ KH&CN

1. Mọi tổ chức có tư cách pháp nhân, có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực khoa học và công nghệ của nhiệm vụ KH&CN đều có quyền tham gia tuyển chọn chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN. (Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này).

2. Cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn chủ trì nhiệm vụ KH&CN (làm Chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN) phải có chuyên môn thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ của nhiệm vụ KH&CN tuyển chọn (có trình độ đại học trở lên). Mỗi cá nhân được phép chủ trì 1 nhiệm vụ KH&CN trong một năm.

3. Các tổ chức, cá nhân không được tham gia tuyển chọn khi chưa hoàn thành đúng hạn việc nộp báo cáo kết quả nghiên cứu, thanh quyết toán kinh phí hoặc chưa hoàn trả đủ kinh phí thu hồi của nhiệm vụ KH&CN đã thực hiện trước đó theo quy định.

Điều 8. Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp

1. Vận dụng theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ, hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp được quy định như sau:

a) Đối với đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh thành phần hồ sơ gồm các tài liệu theo quy định tại Điều 5 Thông tư 08/2012/TT-BKHCN;

b) Đối với đề tài nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn cấp tỉnh thành phần hồ sơ gồm các tài liệu theo quy định tại Điều 5 Thông tư 09/2012/TT-BKHCN.

2. Tổ chức, cá nhân tham gia tuyển chọn gửi hồ sơ đăng ký dự tuyển gồm 01 bản gốc, 01 đĩa CD và 12 bản sao đến Sở Khoa học và Công nghệ theo đường bưu điện hoặc trực tiếp qua bộ phận văn thư trong thời hạn quy định.

3. Thời hạn nộp hồ sơ: Theo thông báo của Sở Khoa học và Công nghệ.

4. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn; kiểm tra tính hợp lý của hồ sơ để trình ra Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh xem xét, đánh giá.

Điều 9. Đánh giá hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Đối với đề tài, dự án xét chọn theo phương thức giao trực tiếp (do đặt hàng của tỉnh): Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh tiến hành xét duyệt thuyết minh cho từng Đề tài, Dự án.

2. Đối với đề tài, dự án xét duyệt theo phương thức tuyển chọn.

a) Trong trường hợp chỉ có một hồ sơ tham gia tuyển chọn chủ trì một nhiệm vụ KH&CN.

- Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh tổ chức đánh giá hồ sơ tham gia tuyển chọn căn cứ vào hồ sơ đã đăng ký.

- Hồ sơ được Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh thảo luận, đánh giá và tiến hành chấm điểm theo nhóm tiêu chí cụ thể trong phiếu đánh giá tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

Tổng số điểm tối đa là 100 điểm: Hồ sơ trúng tuyển phải có số điểm trung bình tối thiểu là 70 điểm. Trường hợp hồ sơ không đạt số điểm trung bình từ 70 điểm trở lên sẽ không được đưa vào thực hiện trong kế hoạch năm.

b) Trường hợp có từ hai hồ sơ trở lên tham gia tuyển chọn.

- Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh tổ chức đánh giá hồ sơ tham gia tuyển chọn cho từng hồ sơ cụ thể theo các tiêu chí như đánh giá đối với trường hợp chỉ có 01 hồ sơ tham gia tuyển chọn (căn cứ vào hồ sơ đã đăng ký).

- Trường hợp các hồ sơ tham gia tuyển chọn mà có số điểm bằng nhau thì do Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh quyết định lựa chọn hồ sơ trúng tuyển.

- Trường hợp đơn vị đăng ký chủ trì đã trúng tuyển, mà không thực hiện nhiệm vụ KH&CN thì hồ sơ có điểm thấp hơn liền kề sẽ trúng tuyển (số điểm trung bình phải đạt từ 70 điểm trở lên).

3. Phiếu đánh giá và các tiêu chí đánh giá được Sở Khoa học và Công nghệ gửi kèm hồ sơ đánh giá tới các thành viên Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh theo quy định.

Điều 10. Thông báo kết quả tuyển chọn hoặc giao trực tiếp chủ trì nhiệm vụ KH&CN

1. Trên cơ sở kết luận của Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân trúng tuyển và yêu cầu bổ sung những kiến nghị (nếu có) theo yêu cầu của Hội đồng để hoàn thiện bản thuyết minh nhiệm vụ KH&CN.

2. Tổ chức, cá nhân trúng tuyển phải có trách nhiệm hoàn thiện bản thuyết minh và các tài liệu khác có liên quan theo yêu cầu của Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh và nộp lại Sở Khoa học và Công nghệ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo kết quả tuyển chọn hoặc giao trực tiếp.

Điều 11. Thẩm định kinh phí

1. Sở Khoa học & Công nghệ chủ trì phối hợp với Sở Tài chính thẩm định dự toán kinh phí thực hiện đề tài, dự án lấy từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh.

2. Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập về thành viên tổ thẩm định kinh phí cho từng nhiệm vụ KH&CN, sau khi trao đổi với Sở Tài chính và các đơn vị liên quan.

3. Thành phần tổ thẩm định gồm:

Tổ trưởng: Trưởng phòng Quản lý Khoa học, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lào Cai.

Các thành viên gồm: Đại diện Sở Tài chính, Kế toán và chuyên viên quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ Sở Khoa học và Công nghệ. Trường hợp cần thiết có thể mời sở chuyên ngành, mời chuyên gia am hiểu về lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ KH&CN tham gia tổ thẩm định.

3. Kết quả thẩm định phải lập thành văn bản có chữ ký của thành viên tổ thẩm định.

Điều 12. Phê duyệt nhiệm vụ KH&CN

1. Các đề tài, dự án được phê duyệt dựa trên căn cứ kết quả xét duyệt của Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh và kết quả thẩm định kinh phí của Tổ thẩm định.

2. Thẩm quyền phê duyệt: Chủ tịch UBND tỉnh quyết định phê duyệt đối với từng Đề tài, dự án.

3. Quyết định phê duyệt là căn cứ pháp lý cho việc ký kết hợp đồng với tổ chức, cá nhân trúng tuyển hoặc được chỉ định và cấp kinh phí cho việc triển khai nhiệm vụ.

Chương IV

TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN

Điều 13. Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định phê duyệt nhiệm vụ KH&CN có hiệu lực Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ ký kết hợp đồng với tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN theo quy định.

Điều 14. Điều chỉnh, đình chỉ hoặc hủy bỏ hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN nếu gặp các yếu tố khách quan ảnh hưởng đến tiến độ, nội dung, quy mô, phạm vi nghiên cứu cần phải điều chỉnh hợp đồng thì tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN phải kịp thời báo cáo cơ quan chủ quản và Sở Khoa học và Công nghệ để xem xét.

2. Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định điều chỉnh thời gian, địa điểm và Chủ nhiệm của Đề tài/dự án (trong trường hợp tổng dự toán kinh phí của đề tài, dự án không thay đổi) và báo cáo UBND tỉnh. Các Quyết định phê duyệt và các văn bản có liên quan đến việc điều chỉnh Hợp đồng là một bộ phận của hợp đồng đã ký kết.

3. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xem xét báo cáo, trình UBND tỉnh quyết định điều chỉnh nội dung, quy mô và kinh phí thực hiện đề tài, dự án.

4. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định đình chỉ thực hiện Hợp đồng khi tổ chức, cá nhân chủ trì vi phạm một trong các trường hợp sau:

- a) Các điều kiện quy định trong hợp đồng (cơ sở vật chất, nguồn nhân lực thực hiện...) không đáp ứng yêu cầu, dẫn đến không có khả năng hoàn thành hợp đồng;
- b) Thực hiện không đúng nội dung đã cam kết trong hợp đồng;
- c) Sử dụng kinh phí sai mục đích;
- d) Khi tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN vi phạm pháp luật.

5. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định hủy bỏ hợp đồng trong trường hợp việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN của tổ chức, cá nhân gặp các yếu tố khách quan như: Thiên tai, hoả hoạn, dịch bệnh và các trường hợp bất khả kháng khác dẫn đến không thể thực hiện được hợp đồng.

Trình tự thực hiện việc hủy bỏ hợp đồng:

a) Báo cáo và đề nghị của tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án về việc xin được huỷ bỏ hợp đồng;

b) Sở Khoa học và Công nghệ thành lập tổ kiểm tra, để xác minh thực tế, làm rõ nội dung kiến nghị đề xuất huỷ bỏ hợp đồng. Tổ kiểm tra gồm: Đại diện Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, chính quyền địa phương và các đơn vị có liên quan (khi kiểm tra sẽ lập thành biên bản có chữ ký các thành viên);

c) Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo UBND tỉnh về kết quả kiểm tra xác minh và xin ý kiến chỉ đạo trước khi quyết định hủy bỏ hợp đồng.

6. Các quyết định điều chỉnh, đình chỉ, hủy bỏ hợp đồng phải được gửi đến các cơ quan, đơn vị có liên quan chậm nhất 03 ngày kể từ ngày ký, ban hành. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm báo cáo UBND tỉnh việc điều chỉnh, đình chỉ, hủy bỏ hợp đồng theo quy định.

7. Tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN bị đình chỉ hoặc hủy bỏ hợp đồng phải ngừng thực hiện các nội dung đề tài, dự án kể từ ngày nhận được quyết định; đồng thời lập báo cáo gửi Sở Khoa học và Công nghệ về những nội dung công việc đã triển khai, kinh phí đã sử dụng.

Điều 15. Chế độ báo cáo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức kiểm tra định kỳ và đánh giá việc thực hiện đề tài, dự án về nội dung khoa học, tiến độ thực hiện và việc sử dụng kinh phí đã được phê duyệt.

2. Cơ quan chủ trì thực hiện đề tài, dự án có trách nhiệm định kỳ 06 tháng, 01 năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền báo cáo Sở Khoa học và Công nghệ và cơ quan có liên quan về tiến độ thực hiện của đề tài, dự án.

3. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm đôn đốc, thanh tra, kiểm tra tiến độ thực hiện đề tài, dự án. Việc thanh tra, kiểm tra được thực hiện theo định kỳ hoặc theo quy định của pháp luật về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

4. Sở Tài chính có trách nhiệm kiểm tra tình hình sử dụng kinh phí đã giao cho đơn vị thực hiện đề tài, dự án. Khi kiểm tra tình hình sử dụng kinh phí đã giao cho tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án nếu phát hiện có vi phạm thì Sở Tài chính cần phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ xử lý hoặc báo cáo lên cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Đánh giá nghiệm thu kết quả nhiệm vụ KH&CN

1. Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án cấp tỉnh có trách nhiệm xây dựng Hồ sơ nghiệm thu đề tài/dự án gửi về Sở Khoa học và Công nghệ sau khi kết thúc các hoạt động nghiên cứu (theo Đề cương thuyết minh đã được phê duyệt) để tổng hợp trình Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh tiến hành đánh giá nghiệm thu.

Hồ sơ nghiệm thu gồm:

- a) Đề cương thuyết minh đã được duyệt (Phô tô từ bản chính);
- b) Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu;
- c) Báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu;
- d) Báo cáo giải trình quyết toán kinh phí thực hiện của Đề tài, Dự án;
- e) Các sản phẩm khoa học khác của Đề tài, Dự án theo Hợp đồng trách nhiệm đã ký gồm các quy trình kỹ thuật; quy trình sản xuất, chuyên đề, bảng biểu, sơ đồ, ảnh tư liệu (nếu có).

2. Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh đánh giá nghiệm thu từng nhiệm vụ KH&CN trên cơ sở hồ sơ nghiệm thu. Trường hợp cần thiết có thể kiểm tra thực tế.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày đề tài, dự án cấp tỉnh được Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh nghiệm thu; tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm hoàn thiện các sản phẩm theo hợp đồng đã ký kết và giao nộp sản phẩm cho Sở Khoa học và Công nghệ để lưu trữ bao gồm:

- a) Báo cáo nghiệm thu (báo cáo chính thức) được chỉnh sửa theo biên bản nghiệm thu (gồm 5 bản đóng bìa cứng mạ chữ).
- b) Các sản phẩm khoa học khác của Đề tài, Dự án giao nộp theo Hợp đồng trách nhiệm đã ký gồm các quy trình kỹ thuật; quy trình sản xuất, chuyên đề, bảng biểu, sơ đồ, ảnh tư liệu (nếu có).
- c) 01 bộ đĩa CD sao chép lưu trữ toàn bộ kết quả nghiên cứu của đề tài, dự án (gồm: Đề cương thuyết minh được duyệt, báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài, dự án đã được chỉnh sửa sau nghiệm thu, các chuyên đề khoa học (nếu có), quy trình kỹ thuật (nếu có), ảnh tư liệu... và các sản phẩm khoa học khác).
- d) Thông báo duyệt quyết toán kinh phí thực hiện Đề tài, Dự án của Sở Tài chính.

4. Trên cơ sở đánh giá nghiệm thu của Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ công nhận kết quả nghiên cứu cho từng đề tài, dự án cấp tỉnh theo quy định hiện hành.

Điều 17. Quản lý cấp phát và sử dụng kinh phí

1. Kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm để thực hiện các nhiệm vụ KH&CN gồm:

1.1. Kinh phí cho việc thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (bao gồm kinh phí thực hiện: Các đề tài/dự án nghiên cứu khoa

học; nghiên cứu ứng dụng KH&CN; các dự án sản xuất thử nghiệm; nhân rộng các mô hình của dự án thuộc Chương trình nông thôn miền núi; áp dụng các thành tựu KH&CN vào sản xuất; kinh phí quản lý các nhiệm vụ trên,...).

1.2. Kinh phí cho việc thực hiện các nhiệm vụ khác:

- a) Tiêu chuẩn đo lường chất lượng;
- b) Quản lý nhà nước về đánh giá, thẩm định, giám định công nghệ và hoạt động chuyển giao công nghệ;
- c) Quản lý nhà nước về an toàn bức xạ hạt nhân;
- d) Thông tin KH&CN;
- e) Về sở hữu trí tuệ;
- g) Thanh tra KH&CN;
- h) Hợp tác quốc tế, hoạt động KH&CN cấp huyện;
- i) Tăng cường tiềm lực phục vụ nghiên cứu và quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ;
- k) Lương và hoạt động bộ máy của các tổ chức KH&CN thuộc tỉnh;
- m) Đổi ứng cho các đề tài/dự án cấp nhà nước; các dự án thuộc chương trình nông thôn miền núi và các nhiệm vụ trọng điểm khác;
- n) Nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác KHCN.

2. Quản lý, cấp phát và sử dụng kinh phí sự nghiệp khoa học theo quy định hiện hành.

3. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm quản lý và sử dụng kinh phí phục vụ quản lý các hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

4. Cơ quan chủ trì thực hiện có trách nhiệm quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí các nhiệm vụ KH&CN theo đúng quy định hiện hành.

Điều 18. Quyết toán kinh phí và thanh lý hợp đồng

1. Kinh phí nhiệm vụ KH&CN giao thực hiện năm nào phải được quyết toán theo niên độ ngân sách năm đó theo quy định hiện hành. Đối với các nhiệm vụ KH&CN thực hiện trong nhiều năm thì tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN quyết toán hàng năm theo niên độ ngân sách đối với số kinh phí thực nhận và thực chi. Khi kết thúc nhiệm vụ KH&CN phải tổng hợp lũy kế quyết toán từ năm đầu thực hiện đến năm báo cáo đánh giá nghiệm thu kết quả.

2. Việc quyết toán và thanh lý hợp đồng được thực hiện theo các quy định hiện hành.

Điều 19. Công bố, ứng dụng và bàn giao kết quả nghiên cứu KH&CN

1. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm:

- a) Công bố và đăng tải thông tin về kết quả nghiên cứu các nhiệm vụ KH&CN trên Bản tin Khoa học và Công nghệ, tên Website của Sở Khoa học và Công nghệ, trên Cổng giao tiếp điện tử của tỉnh;

b) Phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện xuất bản thành sách để các ngành, địa phương, các doanh nghiệp và nhân dân tham khảo, tra cứu, nhân rộng (trừ các nhiệm vụ KH&CN được quản lý theo chế độ mật);

c) Hàng năm Sở Khoa học và Công nghệ xuất bản Kỷ yếu kết quả nghiên cứu khoa học, tổ chức Hội thảo bàn giao kết quả nghiên cứu khoa học và tuyên dương các điển hình tiên tiến trong hoạt động nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học. Kinh phí lấy từ nguồn sự nghiệp khoa học tỉnh.

2. Tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN sau khi đã được nghiệm thu có trách nhiệm chủ động tổ chức ứng dụng kết quả nghiên cứu trong phạm vi cơ quan, đơn vị mình; tham mưu cho cơ quan có thẩm quyền tổ chức ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn; định kỳ hàng năm báo cáo kết quả ứng dụng về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, theo dõi chung trong toàn tỉnh.

Điều 20. Sử dụng các sản phẩm của đề tài, dự án

1. Việc sử dụng sản phẩm của đề tài, dự án là tài sản trí tuệ được thực hiện theo quy định của pháp luật về Sở hữu trí tuệ, pháp luật về chuyển giao công nghệ và các quy định hiện hành.

2. Việc sử dụng sản phẩm của đề tài, dự án là sản phẩm vật chất được thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 21. Quản lý tài sản, trang thiết bị phục vụ nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách tỉnh được phê duyệt mua sắm tài sản, trang thiết bị (sau đây gọi tắt là tài sản) phục vụ nhiệm vụ thực hiện theo các quy định hiện hành về mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Việc xử lý tài sản được mua sắm bằng nguồn kinh phí từ ngân sách tỉnh của các đề tài, dự án được thực hiện theo quy định hiện hành.

Chương V HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH

Điều 22. Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh

1. Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh do Chủ tịch UBND tỉnh ra quyết định thành lập:

a) Thành viên hoạt động ổn định: 05 thành viên gồm Chủ tịch và 04 ủy viên Hội đồng, cụ thể:

- Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Công nghệ là Phó Chủ tịch UBND tỉnh hoặc Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ;

- Các ủy viên gồm: Đại diện Văn phòng UBND tỉnh; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính và Sở Khoa học và Công nghệ.

b) Thành viên chuyên ngành: Tùy từng lĩnh vực mà nhiệm vụ KH&CN được xét duyệt, cơ quan thường trực Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh quyết định mời các chuyên gia, nhà khoa học có trình độ chuyên môn phù hợp và am hiểu sâu lĩnh vực nghiên cứu nhiệm vụ KH&CN là thành viên chính thức của Hội đồng (không quá 4 thành viên); đối với mỗi nhiệm vụ KH&CN Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh quyết định phân công 02 thành viên chuyên ngành làm thành viên phản biện;

c) Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan Thường trực của Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh có trách nhiệm ra thông báo kết quả từng phiên họp của Hội đồng;

d) Cá nhân đăng ký chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN và những người tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN thì không được tham gia là thành viên của Hội đồng.

2. Tổ thư ký Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh.

a) Tổ thư ký giúp việc Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập;

b) Thành phần:

- Thư ký Hội đồng: Một chuyên viên Văn phòng UBND tỉnh và một chuyên viên Sở Khoa học và Công nghệ.

- Thư ký hành chính: Chuyên viên Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 23. Nhiệm vụ của Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh

1. Xác định các chương trình nghiên cứu khoa học dài hạn và xác định danh mục nhiệm vụ KH&CN hàng năm.

2. Duyệt đề cương thuyết minh các nhiệm vụ KH&CN thuộc đối tượng xét chọn; đánh giá tuyển chọn các tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện các nhiệm vụ KH&CN theo quy định.

3. Đánh giá, nghiệm thu các nhiệm vụ KH&CN đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Điều 24. Nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng và Tổ thư ký

1. Các thành viên Hội đồng có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Chủ tịch Hội đồng: Phụ trách chung; chủ trì điều hành và kết luận nội dung của các phiên họp; chỉ đạo giải quyết các công việc của Hội đồng; chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về mọi hoạt động của Hội đồng.

b) Ủy viên Hội đồng: Làm việc theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng; có trách nhiệm nghiên cứu các hồ sơ, tài liệu liên quan và tham gia ý kiến cho từng nội dung cụ thể. Các ý kiến đánh giá phải thể hiện bằng văn bản, có ý kiến nhận xét của các thành viên Hội đồng được lưu trong hồ sơ từng nhiệm vụ KH&CN.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ thư ký Hội đồng:

a) Ghi biên bản nội dung của từng cuộc họp Hội đồng; tổng hợp và dự thảo thông báo kết quả cuộc họp đảm bảo chính xác, kịp thời.

b) Thư ký hành chính:

- Chuẩn bị nội dung, chương trình và tài liệu cần thiết phục vụ cho các kỳ họp của Hội đồng.

- Gửi tài liệu cho các thành viên Hội đồng trước ngày họp ít nhất 07 ngày đối với các cuộc họp Hội đồng định kỳ; trước 01 ngày đối với cuộc họp Hội đồng đột xuất.

Điều 25. Chế độ làm việc của Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh

1. Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh họp định kỳ 01 tháng một lần, họp bất thường do Chủ tịch Hội đồng quyết định triệu tập; các kỳ họp của Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh phải đảm bảo ít nhất 60% số thành viên Hội đồng, trong đó phải có mặt của Chủ tịch Hội đồng mới được coi là hợp lệ. Các thành viên vắng mặt phải được sự đồng ý của Chủ tịch Hội đồng và phải gửi phiếu nhận xét đánh giá từng nhiệm vụ KH&CN (thuộc danh mục nhiệm vụ KHCN đưa ra xét duyệt) đến cơ quan thường trực của Hội đồng trước kỳ họp ít nhất một ngày.

2. Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số, hình thức biểu quyết bằng bỏ phiếu kín. Mọi thông tin có liên quan phải được giữ bí mật cho đến khi cơ quan, người có thẩm quyền có quyết định cho công bố.

Điều 26. Kinh phí hoạt động của Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh

1. Các thành viên, thư ký, các đại biểu tham dự họp Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh; thành viên tổ thẩm định kinh phí được hưởng thù lao và chế độ bằng tiền theo quy định hiện hành.

2. Đối với các nhà khoa học, chuyên gia, chuyên viên chính ở ngoài tỉnh có năng lực uy tín, khi cần thiết được Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh mời tham gia thành viên Hội đồng để thực hiện công việc tư vấn, phản biện; tham gia tổ thẩm định kinh phí thì được hưởng thêm chế độ công tác phí theo quy định hiện hành hoặc thông qua hợp đồng thuê khoán chuyên môn do Sở Khoa học và Công nghệ chi trả theo quy định hiện hành.

3. Kinh phí chi trả thù lao cho thành viên Hội đồng, tổ thư ký, các đại biểu, các chuyên gia, thành viên tổ thẩm định kinh phí và các khoản chi phí khác phục vụ cho hoạt động thường xuyên của Hội đồng (như chi phí Hội nghị tổng kết, đánh giá hoạt động hàng năm của Hội đồng, tổ chức tập huấn cho thành viên Hội đồng, chi mua sắm vật tư văn phòng phẩm và tài sản cần thiết khác cho hoạt động của Hội đồng...) được lấy từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học tỉnh được giao hàng năm.

Chương VI

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ VÀ CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 27. Trách nhiệm của tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN với Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lào Cai. Tiếp nhận, quản lý kinh phí, tổ chức triển khai thực hiện, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện nhiệm vụ KH&CN và thực hiện báo cáo định kỳ theo quy định tại Điều 13, Điều 15 của Quy định này.

2. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo, đề xuất với Sở KH&CN điều chỉnh hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo quy định tại Điều 14 của Quy định này.

3. Thực hiện các quyết định điều chỉnh, đình chỉ, hủy bỏ hợp đồng của Sở Khoa học và Công nghệ và UBND tỉnh.

4. Chịu sự kiểm tra, thanh tra, giám sát của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

5. Giao nộp sản phẩm, quyết toán kinh phí và thanh lý hợp đồng, bảo mật tài liệu, ứng dụng kết quả nghiên cứu theo quy định tại các Điều 16, Điều 17, Điều 18 và Điều 19 của Quy định này.

6. Nộp đầy đủ, đúng hạn các khoản kinh phí thu hồi (nếu có); chịu trách nhiệm do vi phạm hợp đồng và trong các trường hợp bị đình chỉ, hủy bỏ hợp đồng theo quy định hiện hành.

Điều 28. Trách nhiệm của Chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN

1. Cá nhân được giao chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm giúp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN:

a) Lập đề cương thuyết minh nhiệm vụ KH&CN gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, trình Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh xét duyệt và tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo các nội dung hợp đồng đã được ký kết;

b) Sử dụng kinh phí đúng nội dung, mục đích và đối tượng theo quy định hiện hành;

c) Đề xuất xem xét, quyết định điều chỉnh hợp đồng (dự toán) khi tình hình thực tế có sự thay đổi cần thiết phải điều chỉnh hợp đồng;

d) Lập hồ sơ quyết toán kinh phí nhiệm vụ KH&CN theo đúng quy định;

đ) Báo cáo đầy đủ, đúng yêu cầu, đúng thời hạn kết quả thực hiện, tiến độ giải ngân và chịu trách nhiệm về chứng từ, số liệu chi tiết quyết toán kinh phí thực hiện với cơ quan chủ trì và cơ quan quản lý. Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện và việc khai thác, sử dụng các nguồn thông tin, tư liệu trong quá trình thực hiện nhiệm

vụ KH&CN, thực hiện lưu giữ, công bố, giao nộp và bảo mật các thông tin, tài liệu, sản phẩm nghiên cứu có liên quan tới bí mật quốc gia theo quy định hiện hành;

e) Được hưởng quyền tác giả đối với kết quả nghiên cứu và dịch vụ chuyển giao, ứng dụng kết quả nghiên cứu theo quy định của pháp luật.

2. Cùng với cơ quan chủ trì chịu trách nhiệm pháp lý về kinh phí thu hồi (nếu có) của nhiệm vụ KH&CN.

Điều 29. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Trình UBND tỉnh xem xét, quyết định:

a) Phê duyệt danh mục nhiệm vụ KH&CN hàng năm;

b) Phê duyệt kế hoạch kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN hàng năm; phê duyệt dự toán chi tiết chi sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm;

c) Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo thẩm quyền (danh mục, kinh phí các nhiệm vụ KH&CN);

d) Phê duyệt nội dung, kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo đề nghị của Thường trực Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh;

e) Phê duyệt điều chỉnh nội dung, địa điểm, quy mô và tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN trong trường hợp điều chỉnh hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

2. Hướng dẫn các sở, ngành; UBND cấp huyện, thành phố, các tổ chức KH&CN và cán bộ KH&CN trong và ngoài tỉnh đăng ký, tuyển chọn hoặc đề xuất nhiệm vụ KH&CN hàng năm để phê duyệt hoặc trình UBND tỉnh phê duyệt theo phân cấp. Đồng thời tổ chức thực hiện và quản lý các nhiệm vụ KH&CN.

3. Tổ chức thẩm định nội dung đề cương thuyết minh, ký kết hợp đồng và thanh lý hợp đồng theo quy định này và các quy định pháp luật hiện hành.

4. Thanh tra, kiểm tra và tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

5. Chủ trì, phối hợp với Chủ tịch UBND cấp huyện và Giám đốc các sở, ngành liên quan để triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ KH&CN.

6. Quyết định điều chỉnh Hợp đồng trong các trường hợp quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 Điều 14 của quy định này.

7. Định kỳ 6 tháng, hàng năm hoặc đột xuất báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về tình hình thực hiện các nhiệm vụ KH&CN trên địa bàn tỉnh.

Điều 30. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thẩm định, trình UBND tỉnh phân bổ dự toán chi tiết cho sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm.

2. Cấp phát kinh phí, hướng dẫn, đôn đốc và xét duyệt quyết toán đối với các đơn vị sử dụng kinh phí theo đúng chế độ hiện hành.

3. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí của các cơ quan chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

Điều 31. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị có liên quan

Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND huyện, thành phố chịu trách nhiệm:

1. Xây dựng phong trào nghiên cứu khoa học cải tiến công nghệ, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất và đời sống ở địa phương.

2. Chỉ đạo gắn các nhiệm vụ thuộc chương trình KH&CN cấp nhà nước, cấp tỉnh với nhiệm vụ nghiên cứu của sở, ngành, địa phương mình; chỉ đạo việc nhân rộng kết quả nghiên cứu của đơn vị vào sản xuất và đời sống.

3. Tổng hợp và báo cáo kết quả các nhiệm vụ KH&CN, ứng dụng tiến bộ KH&CN đã thực hiện trong năm, đăng ký nhiệm vụ KH&CN năm tiếp theo với Sở KH&CN.

4. Phối hợp với Sở KH&CN đôn đốc, theo dõi và kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN của cơ quan chủ trì là đơn vị trực thuộc.

5. Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN triển khai các nội dung theo đúng tiến độ quy định.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 32. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. UBND tỉnh khen thưởng theo định kỳ hàng năm và 5 năm đối với các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm trước Uỷ ban nhân dân tỉnh về việc tổ chức xét thưởng, đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng, trao giải thưởng khoa học và công nghệ cho tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động khoa học và công nghệ.

3. Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ của tỉnh vi phạm hợp đồng khoa học và công nghệ thì bị xử lý theo quy định hiện hành của pháp luật.

4. Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định của pháp luật về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ, vi phạm các quy định của bản Quy định này sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 33. Điều khoản thi hành

Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm phối hợp với Chủ tịch UBND huyện/thành phố và Thủ trưởng sở, ban, ngành, đơn vị tổ chức phô biến, triển khai và thực hiện Quy định này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, phát sinh các cấp, các ngành, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

Nguyễn Văn Vịnh